

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: **Tranh chấp ly hôn** giữa:

- **Nguyên đơn**: Bà **Cù Thị Ngọc L** - sinh năm 1993; HKTT: Số E A4, Tập thể Điện lực A, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Tòa D W, T, quận N, thành phố Hà Nội;

- **Bi đơn**: Ông **Trần Khánh D** - sinh năm 1993; HKTT và nơi ở: Số E A, Tập thể Điện lực A, phường B, quận H, thành phố Hà Nội;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cù Thị Ngọc L và ông Trần Khánh D. Giấy chứng nhận kết hôn số **29** ngày 06/3/2019 do UBND phường B, quận H, thành phố Hà Nội cấp cho bà Cù Thị Ngọc L và ông Trần Khánh D không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận bà L và ông D có một con chung là **Trần An C** - sinh ngày 18/6/2022 (Nữ). Sau khi ly hôn, bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông D cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Cù Thị Ngọc L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà L đã nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0003451** ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nay bà L được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương